

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: KẼM VIÊN (ZINC PELLETS)

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Kẽm (Zn), dạng viên hoặc hạt
- Mã CAS:** 7440-66-6
- Tên khác:** Zinc granules, Zinc shot, hạt kẽm, kẽm kim loại
- Sử dụng đã định:** Dùng trong mạ điện, hợp kim nhôm-kẽm, pin, hóa chất
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
Mã số thuế: 0314051291
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại khẩn cấp:** 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MÔI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
 - GHS09: Nguy hại môi trường nước
- Từ cảnh báo:** CẢNH BÁO
- Câu cảnh báo nguy hiểm:**
 - H410: Rất độc với sinh vật thủy sinh, gây ảnh hưởng lâu dài
- Câu phòng ngừa:**
 - P273: Tránh thải vào môi trường
 - P391: Thu gom chất tràn đổ
 - P501: Xử lý chất thải theo quy định môi trường

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Tên thành phần:** Kẽm nguyên chất
- Mã CAS:** 7440-66-6
- Tỷ lệ:** ≥95%
- Phân loại:** H410

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải bụi:** Đưa ra nơi thông thoáng, hỗ trợ hô hấp nếu cần
- Tiếp xúc da:** Rửa bằng nước và xà phòng nếu gây kích ứng cơ học
- Tiếp xúc mắt:** Nếu dính bụi kim loại, rửa với nước nhiều lần
- Nuốt phải:** Gần như không xảy ra; nếu có, cần theo dõi và liên hệ bác sĩ

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Không dễ cháy ở dạng viên**
- Nếu mặt mịn hoặc bột kẽm cháy:** Có thể tạo oxit kẽm (ZnO) độc hại
- Phương tiện chữa cháy:** CO₂, bột khô, cát (không dùng nước nếu là dạng bột)
- Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ lọc bụi kim loại và đồ chống cháy

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân:** Tránh tạo bụi, dùng thiết bị bảo hộ khi thu gom
- Biện pháp môi trường:** Không để rơi vào sông hồ, cống rãnh
- Cách xử lý:** Quét hoặc hút bụi bằng thiết bị chuyên dụng, tái chế nếu có thể

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng an toàn:** Không dùng gần axit hoặc nguồn nhiệt mạnh
- Bảo quản:** Kho khô ráo, tránh ẩm và không khí có axit
- Không tương thích:** Axit, bazơ mạnh, chất oxy hóa mạnh

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Giới hạn phơi nhiễm (ACGIH):** 2 mg/m³ (ZnO fume), 10 mg/m³ (bụi ZnO)

- **Bảo hộ cá nhân:**
 - Hộ hấp: Mặt nạ nếu phát sinh bụi hoặc hơi kềm nóng
 - Mắt: Kính bảo hộ
 - Tay: Găng tay chống cơ học
 - Da: Quần áo bảo hộ khi thao tác số lượng lớn

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Rắn, dạng viên hoặc hạt
- **Màu sắc:** Xám ánh bạc
- **Mùi:** Không mùi
- **Nhiệt độ nóng chảy:** 419.5°C
- **Nhiệt độ sôi:** 907°C
- **Tính tan:** Không tan trong nước
- **Tỷ trọng:** 7.1 g/cm³

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định ở điều kiện thường**
- **Phản ứng với:** Axit (sinh khí H₂), chất oxy hóa mạnh
- **Phân hủy:** Không xảy ra nếu bảo quản đúng

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **Không độc nếu tiếp xúc vật lý bình thường**
- **Có thể gây hội chứng sốt khói kim loại (metal fume fever) khi hít ZnO nóng**

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Rất độc với sinh vật thủy sinh nếu rò rỉ lớn (H410)**
- **Tích lũy sinh học:** Có thể có
- **Tác động lâu dài:** Gây ảnh hưởng hệ sinh thái nước

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Tái chế nếu sạch và không lẫn tạp chất**
- **Chất thải cần phân loại đúng nếu có ô nhiễm hóa học kèm theo**
- **Không xả thải vào môi trường tự nhiên**

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **Không được phân loại là hàng nguy hiểm nếu dạng rắn, nguyên viên**
- **Dạng bột hoặc số lượng lớn có thể áp dụng quy định đặc biệt (UN3077 – nếu vượt ngưỡng)**

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- **Tuân thủ:** Thông tư 04/2012/TT-BCT
- **Không nằm trong danh mục cấm/hạn chế, nhưng phải khai báo khi nhập khẩu số lượng lớn**

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày biên soạn:** 04/07/2025
- **Nguồn tham khảo:** GHS, REACH, TCVN 8402:2010
- **Ghi chú:**
 - Sử dụng trong môi trường có kiểm soát và tránh thải ra môi trường nước
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát

- Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế